TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2025/DS-ST
Ngày: 09 - 4 - 2025
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phan Hoàng Mai, bà Nguyễn Thị Hân.

Thư ký phiên toà*:* Bà Lý Ngọc Dung, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Yến Thương, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1099/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Mã Phá L, sinh năm 1976, địa chỉ cư trú: số A, đường Đ, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L: Bà Phan Thị V - Luật sư Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A; địa chỉ: lô D Khu dân cư B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang; có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: số D, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ; vắng mặt và có yêu cầu vắng mặt.

2.2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: số D, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt và có yêu cầu vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1974, địa chỉ cư trú: số D, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Mã Phá L (sau đây gọi tắt là nguyên đơn hoặc ông L) trình bày: Do quen biết nên ngày 15-11-2022, ông có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị N vay số tiền 440.000.000 đồng để đáo nợ Ngân hàng, thỏa thuận tiền lãi 3%/tháng, thời hạn vay 10 ngày (từ ngày 15-11-2022 đến ngày 25-11-2022), khi vay có lập biên nhận theo Giấy hợp đồng mượn tiền ngày 15-11-2022 có chữ ký, chữ viết họ tên của ông Nguyễn Văn B. Sau khi vay, ông B không thực hiện việc trả vốn, lãi như thỏa thuận, sau đó, ông có yêu cầu nhiều lần thì ông B chỉ trả lãi được số tiền 50.000.000 đồng và né tránh trách nhiệm trả nợ, ông B hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đ.

Nay, ông khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị N cùng có trách nhiệm trả số nợ vay 440.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 15-11-2022 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận 50.000.000 đồng vào số tiền lãi ông B, bà N có trách nhiệm trả cho ông theo quy định pháp luật. Đồng thời, yêu cầu tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2024/QĐ-BPKCTT ngày 24-10-2024 để đảm bảo cho việc thi hành án. Ngoài ra, ông không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Bản chính Giấy hợp đồng mượn tiền ngày 15-11-2022 có chữ ký, chữ viết họ tên người mượn tiền Nguyễn Văn B; đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 24-10-2024 (bản chính).

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn B (sau đây gọi tắt là bị đơn hoặc ông B) trình bày: Ông thừa nhận chữ ký ghi họ tên Nguyễn Văn B trong Giấy hợp đồng mượn tiền ngày 15-11-2022 là do ông ký, ông có vay của ông L số tiền 440.000.000 đồng và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông L; tuy nhiên, ông vay tiền của ông L thì vợ của ông là bà N không biết, đây là khoản nợ riêng của ông, ông không có ý kiến đối với yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của ông L; yêu cầu vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án (bút lục số 32; 110 - 113).

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị N (sau đây gọi tắt là bị đơn hoặc bà N) trình bày: Bà có biết việc ông B vay của ông L số tiền 440.000.000 đồng vào ngày 15-11-2022 để đáo nợ ngân hàng, việc ông B và ông L thỏa thuận lãi suất như thế nào thì bà không rõ, bà đồng ý cùng ông B trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông L, bà đồng ý theo quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án và có yêu cầu vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án (bút lục số 109).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng từ chối nhận văn bản tố tụng và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L trình bày tranh luận: Lời khai có trong hồ sơ vụ án, ông B, bà N thừa nhận có vay số tiền 440.000.000 đồng và đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của ông L nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông B, bà N cùng có trách nhiệm trả cho ông L số tiền 440.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày vay 15-11-2022 cho đến này Tòa án xét xử sơ thẩm; ông L đồng ý khấu trừ số tiền lãi 50.000.000 đồng đã nhận từ ông B. Đồng thời, yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2024/QĐ-BPKCTT ngày 24-10-2024 để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị Kim L1 chưa thực hiện nghĩa vụ tố tụng theo luật định, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L1 là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ và lời khai đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông B, bà N cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Mã Phá L số tiền vay 440.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày vay 15-11-2022 cho đến này Tòa án xét xử sơ thẩm, khấu trừ số tiền lãi 50.000.000 đồng ông L đã nhận vào số tiền lãi bị đơn có trách nhiệm trả; chấp nhận yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2024/QĐ-BPKCTT ngày 24-10-2024 để đảm bảo cho nghĩa vụ thi hành án của bị đơn đối với khoản tiền vay của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Mã Phá L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị N trả nợ vay. Ông B, bà N cư trú trên địa bàn thành phố L nên yêu cầu kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, ông B, bà N có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; bà L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vắng mặt ông B, bà N, bà L1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Việc giao kết, thực hiện hợp đồng vay:

Theo đơn khởi kiện, lời khai cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông L trình bày, ngày 15-11-2022 ông L có cho ông Nguyễn Văn B vay số tiền 440.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày, kể từ ngày 15-11-2022 đến ngày 25-11-2022. Từ khi đến hẹn trả nợ cho đến nay, ông B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, chỉ trả được tiền lãi 50.000.000 đồng mặc dù ông L đã nhiều lần yêu cầu.

Lời khai này của nguyên đơn phù hợp với nội dung Giấy hợp đồng mượn tiền ngày 15-11-2021 có chữ ký, chữ viết họ tên người mượn tiền Nguyễn Văn B và sự thừa nhận của ông B trong quá trình giải quyết vụ án.

Ông B cho rằng, đây là khoản nợ riêng của ông, bà N (vợ ông) không biết, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng; tuy nhiên, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà N thừa nhận có biết việc ông B vay của ông L số tiền 440.000.000 đồng vào ngày 15-11-2022 để đáo nợ ngân hàng, việc ông B và ông L thỏa thuận lãi suất như thế nào thì bà N không rõ, bà N đồng ý cùng ông B trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của ông L. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Vì vậy, có căn cứ xác định ông B, bà N có vay tiền của ông L, còn nợ lại 440.000.000 đồng và chưa thanh toán nợ.

[4] Việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về yêu cầu trả nợ vay, lãi:

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu ông B, bà N trả số tiền nợ vay 440.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 15-11-2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Xét thấy, Giấy hợp đồng mượn tiền ngày 15-11-2022 thể hiện các bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng; quá trình giải quyết vụ án, ông B, bà N đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông L, không tranh chấp về lãi suất. Vì vậy, ông L yêu cầu ông B, bà N phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức 20%/năm là có cơ sở, phù hợp theo quy định tại Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Theo đó, tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả mà ông B, bà N phải thanh toán tính từ ngày 15-11-2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (09-4-2025) là:

440.000.000 đồng x (20%/365) x 876 ngày = 211.200.000 đồng.

Mức lãi suất 3%/tháng các bên thỏa thuận theo Giấy hợp đồng mượn tiền ngày 15-11-2022 là cao hơn so với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; ông L có lời khai thừa nhận, sau khi vay cho đến nay, ông B chỉ trả cho ông được số tiền lãi 50.000.000 đồng, chưa thực hiện trả vốn, ông L

đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận của ông B 50.000.000 đồng vào số tiền lãi ông B, bà N phải trả; do đó, tiền lãi ông B, bà N phải thanh toán cho ông L là 161.200.000 đồng (211.200.000 đồng - 50.000.000 đồng).

Như vậy, tổng số nợ vay, lãi mà ông B, bà N còn nợ ông L là 601.200.000 đồng.

Do ông B, bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông L khởi kiện yêu cầu ông B, bà N trả nợ vay và yêu cầu trả lãi là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 357, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, buộc ông B, bà N cùng có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền nợ vay, lãi 601.200.000 đồng.

[4.2] Về yêu cầu áp dụng và duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản của bị đơn để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của nguyên đơn:

Căn cứ hai Hợp đồng ủy quyền lập cùng ngày 17-10-2024 giữa ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị N với bà Nguyễn Thị Kim L1 có chứng nhận của Văn phòng C do nguyên đơn cung cấp, Tòa án đã ban hành thông báo đưa bà Nguyễn Thị Kim L1 vào tham gia tố tụng trong vụ án nhưng bà L1 từ chối nhận văn bản, không cung cấp ý kiến nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 09/2024/QĐ-BPKCTT ngày 24-10-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên phong tỏa tài sản là: quyền sử dụng đất, diện tích 3193m^2 thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 85 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03443 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 15-10-2014 cho ông B, bà N là đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và yêu cầu khởi kiện của ông L được chấp nhận nên cần tiếp tục duy trì Quyết định này để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của bị đơn đối với khoản tiền vay của nguyên đơn.

Về số tiền Tòa án đã yêu cầu buộc ông L thực hiện biện pháp bảo đảm: ông Mã Phá L được nhận lại số tiền 62.000.000 đồng và tiền lãi (nếu có) tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 Chi nhánh A theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 08/2024/QĐ-BPBĐ ngày 24-10-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Do đó, cần hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm nêu trên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 601.200.000 đồng nên phải chịu 28.048.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 92; 111; 126; 133; 138; 147; 227; 228; 271; 273; 278 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 357; 463; 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27; khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mã Phá L.

Buộc ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị N cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Mã Phá L số tiền 601.200.000 đồng (Sáu trăm lẻ một triệu, hai hăm nghìn đồng), trong đó tiền vốn vay 440.000.000 đồng (B1 trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi 161.200.000 đồng (Một trăm sáu mươi mốt triệu, hai trăm nghìn đồng).

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 09/2024/QĐ-BPKCTT ngày 24-10-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên về phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất, diện tích 3193m^2 thuộc thửa số 24, tờ bản đồ số 85 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH03443 do Ủy ban nhân dân thành phố L cấp ngày 15-10-2014 cho ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị N để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của bị đơn đối với khoản tiền vay của nguyên đơn.

Ông Mã Phá L được nhận lại số tiền 62.000.000 đồng (Sáu mươi hai triệu đồng) và tiền lãi (nếu có) tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 Chi nhánh A theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 08/2024/QĐ-BPBĐ ngày 24-10-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Hủy Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số: 08/2024/QĐ-BPBĐ ngày 24-10-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn B, bà Lê Thị N phải chịu 28.048.000 đồng (Hai mươi tám triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Mã Phá L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho ông Mã Phá L số tiền 10.800.000 đồng (Mười triệu, tám trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001643 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND thành phố Long Xuyên;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phí Thị Phương Nhung